PHÒNG GD&ĐT TX BUÔN HỒ
TRƯỜNG THCS ĐINH TIÊN HOÀNG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6
THỜI GIAN: 90 PHÚT

1. Khung ma trận và đặc tả.

a) Khung ma trận

- Thời điểm kiểm tra: *Kiểm tra giữa học kì 1 khi kết thúc nội dung:* Mở đầu; Các phép đo; Lực; Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống; Từ tế bào đến cơ thể

- Thời gian làm bài: *90 phút.*

- Hình thức kiểm tra: *Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).*

- Cấu trúc:

- Mức độ đề: *40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*
- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, *(gồm 16 câu hỏi: nhận biết: 12 câu, thông hiểu: 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm;*
- Phần tự luận: 6,0 điểm *(Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm).*

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Số ý TL/số câu hỏi TN		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
Chủ đề : Mở đầu (7 tiết)		2	1						**1**	**2**	1,5
Chủ đề 1: Các phép đo (9 tiết)	1	4				2			**1**	**6**	2,5
Chủ đề 6: Tế bào đơn vị cơ sở của sự sống.		2			1/2		1/2		**1**	**2**	2
Chủ đề 7 : Từ tế bào đến cơ thể		2	1						**1**	**2**	1,5
Chủ đề 9: Lực (9 tiết)		2		2	1				**1**	**4**	2,5
Số ý TL/số câu hỏi TN	**1**	**12**	**2**	**2**	**1,5**	**2**	**0,5**		**5**	**16**	10,00
Tổng số điểm	**4**		**3**		**2**		**1**		**10**		**10 điểm**

b) Bảng đặc tả

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
Chủ đề : Mở đầu (7 tiết)			**1**	**2**	2	2
	Nhận biết	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên. – Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. – Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).		**1** **1**		C1 C2
	Thông hiểu	– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu. – Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống. – Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống.	**1** **1**		C17a C17b	
	Vận dụng	– Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học. – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
Chủ đề 1: Các phép đo			1	6	1	6
	Nhận biết	- Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo chiều dài của một vật. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. - Trình bày được được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được chiều dài trong một số trường hợp đơn giản. - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng để đo khối lượng của một vật. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. - Nêu được cách đo, đơn vị đo và dụng cụ thường dùng	1	**1** **2** **1**	C18	C4 C5 C6

FSCHOOL

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		để đo thời gian. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.				C7
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được khối lượng trong một số trường hợp đơn giản. - Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được thời gian trong một số trường hợp đơn giản.		2		C8 C3
	Vận dụng	- Xác định được giới hạn đo (GHĐ) và độ chia nhỏ nhất (ĐCNN) của thước. - Dùng thước để chỉ ra một số thao tác sai khi đo chiều dài và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Đo được chiều dài của một vật bằng thước (thực hiện				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		đúng thao tác, không yêu cầu tìm sai số).				
Chủ đề 6: Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống.			**1**	**2**	2	2
- Khái niệm tế bào. - Hình dạng và kích thước của tế bào. - Cấu tạo và chức năng của tế bào. - Sự lớn lên và sinh sản của tế bào. -Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống. (8 tiết)	**Nhận biết**	- Nêu được khái niệm tế bào, chức năng của tế bào. - Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào. - Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng mỗi thành phần chính của tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.		**2**		C9,10
	Thông hiểu	- Trình bày được chức năng của mỗi thành phần chính của tế bào (màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào). - Trình bày được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. - Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống. - Phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật; tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ thông qua quan sát hình ảnh.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào -> 2 tế bào -> 4 tế bào... -> n tế bào).				
	Vận dụng	- Xác định số tế bào con tạo ra từ một tế bào mẹ ban đầu qua nhiều lần phân chia liên tiếp.	**1**		C19a	
	Vận dụng cao	- Vận dụng kiến thức về sự lớn lên và sinh sản của tế bào vào thực tiễn.	**1**		C19b	
Chủ đề 7 : Từ tế bào đến cơ thể			**1**	**2**	1	2
- Từ tế bào đến mô. - Từ mô đến cơ quan. - Từ cơ quan đến hệ cơ quan.	**Nhận biết**	- Nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. - Các cấp độ tổ chức của cơ thể đa bào.		1 1		C11 C12
	Thông hiểu	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Từ đó, nêu được các khái niệm mô, cơ quan, hệ cơ quan, cơ thể. Lấy được các ví dụ minh hoạ.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Nhận biết được cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào thông qua hình ảnh. Lấy được ví dụ minh hoạ (cơ thể đơn bào: vi khuẩn, tảo đơn bào, ...; cơ thể đa bào: thực vật, động vật,...).	1		C4	
Chủ đề 9: Lực			**2**	**4**		
– Lực và biểu diễn lực – Tác dụng của lực – Lực hấp dẫn và trọng lượng – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc	**Nhận biết**	- Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. - Nêu được đơn vị lực đo lực. - Nhận biết được dụng cụ đo lục là lực kế. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật.		**1**		C13
		- Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. - Lấy được vi dụ về lực không tiếp xúc.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực.				
		- Nêu được khái niệm về khối lượng. - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn. - Nêu được khái niệm trọng lượng.		1		C14
	Thông hiểu	Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo.				
		– Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm: thay đổi tốc độ, thay đổi hướng chuyển động, biến dạng vật.		1		C15
		– Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy.				
		- Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. – Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc.		1		C16

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường. - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực.				
	Vận dụng	- Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó.	1		C21a	
		- Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại	1		C21b	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2023-2024

A. TRẮC NGIỆM: (4,0 điểm) *Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:*

Câu 1. Việc làm nào sau đây được cho là *không* an toàn trong phòng thực hành?

A. Đeo găng tay khi lấy hoá chất.

B. Tự ý làm các thí nghiệm.

C. Quan sát lối thoát hiểm của phòng thực hành.

D. Rửa tay trước khi ra khỏi phòng thực hành.

Câu 2. Khi đi khám bệnh, muốn đo thân nhiệt của bệnh nhân thì bác sĩ dùng dụng cụ đo là

A. cân. B. đồng hồ. C.thước. D. nhiệt kế y tế.

Câu 3: Có 10 túi đường, ban đầu mỗi túi có mỗi túi 2 lạng đường nữa. Khối lượng của 10 khối lượng 1kg, sau đó người ta cho thêm túi đường khi đó là bao nhiêu?

A. 11 kg. **B.** 12 kg. **C.** 14 kg. **D.** 13 kg.

Câu 4: Từ hình vẽ, hãy xác định chiều dài của khối hộp?

A. 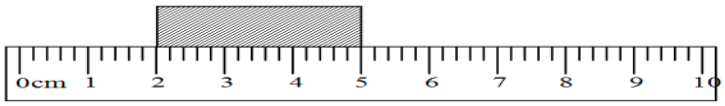

A. 4cm. **B.** 5cm. **C.** 3cm. **D.** 2cm.

Câu 5: Hãy điền số thích hợp vào chỗ trống: 2,5 năm =… tháng.

A. 12. **B.** 24. **C.** 36. **D.** 30.

Câu 6: Các chất có thể tồn tại ở mấy thể?

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 7: Trước khi đo thời gian của một hoạt động ta thường ước lượng khoảng thời gian của hoạt động đó để

A. Lựa chọn đồng hồ đo phù hợp. C. Lọc kết quả đo chính xác.

B. Đặt mắt đúng cách. D. Hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách.

Câu 8: Đơn vị đo nhiệt độ thường dùng ở nước ta là

A. ^oR. **B.** ^oF. **C.** ^oC. **D.** ^oK.

Câu 9. Cấu tạo tế bào gồm 3 thành phần chính là

A. màng tế bào, chất tế bào, nhân/ vùng nhân.

B. màng tế bào, chất tế bào, thành tế bào.

C. màng tế bào, chất tế bào, màng nhân.

D. màng tế bào, chất tế bào, lục lạp.

Câu 10. Thành phần nào của tế bào giúp bảo vệ và kiểm soát các chất đi vào và đi ra khỏi tế bào?

A. Màng tế bào. B. Chất tế bào. C. Nhân. D. Vùng nhân.

Câu 11. Đâu là các cấp độ của tổ chức cơ thể đa bào?

A. Tế bào – Mô – Cơ quan.

B. Tế bào – Mô – Cơ quan – Hệ cơ quan.

C. Tế bào – Cơ thể – Cơ quan – Cơ thể.

D. Tế bào – Mô – Cơ quan – Hệ cơ quan – Cơ thể.

Câu 12. Trong cơ thể đa bào, tập hợp các tế bào giống nhau phối hợp cùng thực hiện một chức năng nhất định gọi là

A. mô. B. tế bào. C. cơ quan. D. hệ cơ quan.

Câu 13. Đơn vị của lực là gì?

A. Newton (N) B. Kilogam (Kg) C. Met (m) D. Kelvin(K)

Câu 14. Lực hấp dẫn là …

A. tác dụng đẩy hoặc kéo của vật này lên vật khác.

B. lực hút giữa các vật có khối lượng.

C. độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

D. lực xuất hiện khi một vật trượt trên bề mặt của vật khác.

Câu 15. Quả bóng ten – nít khi chạm vào mặt vợt sẽ như thế nào?

A. Quả bóng bị méo. C. Quả bóng vừa bị méo vừa bị bay ngược trở lại.

B. Quả bóng bị bay ngược trở lại. D. Không xảy ra vấn đề gì.

Câu 16. Lực nào sau đây là lực không tiếp xúc?

A. Lực của tay giương cung. C. Lực của nam châm hút viên bi sắt.

B. Lực của tay mở cánh cửa. D. Lực của búa đóng đinh ngập vào tường.

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 17 (1,0đ)

a. Em hãy cho biết các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên?

b. Lĩnh vực nào nghiên cứu về vật sống? Kể tên 5 vật sống mà em biết?

Câu 18 (1,0) : Khi đo thời gian của một hoạt động, ta cần thực hiện các bước nào?

Câu 19 (1,5đ)

a. Ở thực vật, một tế bào ở mô phân sinh ngọn phân chia liên tiếp 4 lần. Tính số tế bào con tạo thành?

b. Tuổi vị thành niên là giai đoạn cơ thể có tốc độ lớn nhanh nhất trong suốt cuộc đời mỗi người. Theo em, tốc độ phân chia tế bào ở giai đoạn này là nhanh hay chậm? Từ đó cho biết cần có chế độ dinh dưỡng và luyện tập thế nào để đảm bảo chiều cao tối đa khi trưởng thành?

Câu 20 (1,0đ). Cho các sinh vật sau: trùng roi xanh, con rắn, trùng giày, con chó, con ốc sên, tảo lục, vi khuẩn đường ruột, cây lúa nước, cây dương xỉ, nấm rơm. Hãy sắp xếp các sinh vật trên vào hai nhóm cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào?

Câu 21 (1,5đ). Bạn A thực hiện bóp lần lượt một quả bóng cao su như hình 35.5. Em hãy cho biết lực tác dụng lên quả bóng cao su trong trường hợp nào mạnh hơn? Giải thích?

▲ **Hình 35.5.** Dùng tay bóp quả bóng cao su

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 1 – NĂM HỌC 2023-2024

A. TRẮC NGHIỆM: 4 điểm (đúng mỗi câu được 0,25 điểm)

Câu	**1**	**2**	**3**	**4**	**5**	**6**	**7**	**8**
ĐA	**B**	**D**	**B**	**C**	**D**	**C**	**A**	**C**
Câu	**9**	**10**	**11**	**12**	**13**	**14**	**15**	**16**
ĐA	**A**	**A**	**D**	**A**	**A**	**B**	**C**	**C**

B. TỰ LUẬN: 6 điểm

<table>
<tr><th>Câu</th><th>Đáp án</th><th>Điểm</th></tr>
<tr><td>Câu 17
(1,0đ)</td><td>a/ Các lĩnh vực chủ yếu: Vật lí, Hóa học, Sinh học, Khoa học Trái đất, Thiên văn học.
b/ - Lĩnh vực Sinh học.
- Ví dụ về các vật sống như: con gà, cây hoa sen, con cá, con giun đất, cây ổi.
(HS lấy ví dụ khác đúng vẫn đạt điểm tối đa)</td><td>0,5
0,25
0,25</td></tr>
<tr><td>Câu 18
(1,0đ)</td><td>Khi đo thời gian của một hoạt động, ta cần thực hiện các bước:
B1: Ước lượng khoảng thời gian cần đo.
B2: Chọn đồng hồ phù hợp.
B3: Hiệu chỉnh đồng hồ đúng cách trước khi đo.
B4: Thực hiện đo thời gian bằng đồng hồ.
B5: Đọc và ghi kết quả mỗi lần đo.</td><td>1,0</td></tr>
<tr><td>Câu 19
(1,5đ)</td><td>a/
Số tế bào con được tạo thành sau 4 lần phân chia liên tiếp là:
$2^4 = 2.2.2.2 = 16$ (tế bào).
b/
- Tốc độ phân chia tế bào ở giai đoạn này là nhanh.
- Cần phải ăn uống với chế độ dinh dưỡng hợp lí và đầy đủ, cần thường xuyên luyện tập thể dục thể thao vừa sức để cơ thể phát triển lành mạnh.</td><td>0,5
0,5
0,5</td></tr>
<tr><td>Câu 20
(1,0đ)</td><td><table><tr><th>Cơ thể đơn bào</th><th>Cơ thể đa bào</th></tr><tr><td>Trùng roi xanh, trùng giày, tảo lục, vi khuẩn đường ruột.</td><td>Con rắn, con chó, con ốc sên, cây lúa nước, cây dương xỉ, nấm rơm.</td></tr></table></td><td>1</td></tr>
</table>

Câu 21 (1,5đ)	- Lực tác dụng lên quả bóng cao su trong trường hợp b mạnh hơn. - Vì quả bóng ở trường hợp b đã bị biến dạng (méo đi) nhiều so với quả bóng trong trường hợp a.	0.75 0.75

DUYỆT TỔ CM **GV RA ĐỀ**

Đỗ Thị Thảo **Nguyễn Thái Hoàng** **Nguyễn Thành Huế**

DUYỆT BGH

Trần Văn Thanh